

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành
Dự án: Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 3259/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quy định về việc ủy quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn dự án Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài; Quyết định số 3630/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài;

Căn cứ Quyết định số 624/QĐ-NSNT ngày 20/9/2023 của Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn (nay là Trung tâm Nước sạch nông thôn) về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài; Quyết định số 660/QĐ-NSNT ngày 01/10/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư dự án Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài; Quyết định số 775/QĐ-NSNT ngày 05/11/2024 về việc phê duyệt dự toán điều chỉnh, bổ sung công trình Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài;

Căn cứ Kết luận Thanh tra số 03/KL-TTT ngày 04/9/2025 của Thanh tra tỉnh về việc chấp hành chính sách, pháp luật công tác quản lý thu - chi tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản tại Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 480/TTr-STC ngày 01/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

- Tên dự án: Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài.
- Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn (nay là Trung tâm Nước sạch nông thôn).

- Địa điểm xây dựng: Xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (nay là xã Đê Gi, tỉnh Gia Lai).

- Thời gian khởi công, hoàn thành: 2024.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Chi phí đầu tư dự án được thẩm tra đề nghị cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo bảng sau:

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư hoặc dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt
	Tổng số	36.247.125.534	31.319.927.647
I	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	1.345.093.000	1.317.415.000
II	Xây dựng	22.680.658.000	21.896.948.647
III	Thiết bị	4.954.131.000	4.859.510.000
IV	Quản lý dự án	575.477.000	544.766.000
V	Tư vấn	2.633.238.574	2.396.305.000
1	Chi phí tham vấn cộng đồng	14.396.000	13.664.000
2	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	148.999.000	148.999.000
3	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	43.832.309	43.384.000
4	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát giai đoạn BCNCKT	8.899.000	8.737.000
5	Chi phí giám sát công tác khảo sát giai đoạn BCNCKT	12.078.000	12.078.000
6	Chi phí khảo sát, lập BCNCKT	492.818.000	491.842.000
7	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát giai đoạn TKTC	5.940.000	5.832.000
8	Giám sát công tác khảo sát giai đoạn TKBVTC	8.062.000	7.915.000
9	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	917.882.000	893.262.000

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư hoặc dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt
10	Chi phí thẩm tra thiết kế, dự toán	96.027.000	46.278.000
11	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn KS, TKBVTC-DT	7.663.000	7.523.000
12	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT xây lắp, thiết bị, giám sát	104.827.127	102.921.000
13	Chi phí giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị khu khai thác nước thô, khu xử lý, tuyến ống truyền tải và phân phối	616.090.097	569.869.000
14	Chi phí giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị đường dây 22kV và trạm biến áp	45.725.041	44.001.000
15	Chi phí lập hồ sơ xin cấp GPKT nước ngầm	110.000.000	
VI	Chi phí khác	410.494.960	304.983.000
1	Chi phí đăng tải thông báo mời thầu	990.000	330.000
2	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT tư vấn KS, TK-DT	2.000.000	1.963.000
3	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT xây lắp + giám sát	35.387.394	34.743.000
4	Chi phí hội đồng tư vấn GQKN của nhà thầu	8.677.479	0
5	Phí thẩm định BC NCKT	3.312.000	3.312.000
6	Phí thẩm định thiết kế và dự toán	30.030.310	16.997.000
7	Chi phí thẩm định hồ sơ cấp phép khai thác nước ngầm	3.000.000	0
8	Chi phí cấp quyền sử dụng đất	4.000.000	0
9	Chi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	7.500.000	7.500.000

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư hoặc dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt
10	Chi phí bảo hiểm công trình	84.186.965	84.186.000
11	Chi phí nghiệm thu đóng điện	38.350.422	0
12	Chi phí vận hành chạy thử và bàn giao công trình	40.000.000	31.572.000
13	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	125.088.480	104.744.000
14	Chi phí thẩm định giá thiết bị	20.000.000	19.636.000
15	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	7.971.910	0
VII	Dự phòng	839.033.000	0
VIII	Chi phí đầu nối hộ gia đình (dân góp)	2.809.000.000	0

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Tổng mức đầu tư hoặc dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt
Tổng số	36.247.125.534	31.319.927.647
Vốn đầu tư công		31.319.927.647
1. Vốn đã thanh toán		31.576.700.000
- Cấp quyền sử dụng đất		31.076.700.000
- Nguồn đầu tư tập trung		500.000.000
2. Vốn đã thu hồi		332.594.353
3. Vốn phải thu hồi		28.922.000
4. Vốn còn phải thanh toán		104.744.000

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.
- Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án: 31.319.927.647 đồng.

- Giá trị thực tế: 31.319.927.647 đồng.
- Giá trị quy đổi (nếu có): 31.319.927.647 đồng.

5. Giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Được phép tắt toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	31.319.927.647	
Vốn đầu tư công	31.319.927.647	
1. Vốn đã thanh toán	31.576.700.000	
- Cấp quyền sử dụng đất	31.076.700.000	
- Nguồn đầu tư tập trung	500.000.000	
2. Vốn đã thu hồi	332.594.353	
3. Vốn phải thu hồi	28.922.000	
4. Vốn còn phải thanh toán	104.744.000	

- Các khoản công nợ tính đến ngày 26/5/2026:

- + Tổng nợ phải thu: 28.922.000 đồng.
- + Tổng nợ phải trả: 104.744.000 đồng.

Đơn vị: đồng

Nội dung	Số tiền	Các khoản công nợ	Đơn vị
1. Nợ phải thu	28.922.000		
	16.057.000	Chi phí tư vấn giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị	Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung
	12.865.000	Chi phí quản lý dự án	Trung tâm Nước sạch nông thôn
2. Nợ phải trả	104.744.000	Thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành	Sở Tài chính

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Chịu trách nhiệm về những nội dung, công việc của từng cơ quan, đơn vị đã thực hiện xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

- Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư theo đúng quy định.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Công thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XV; Giám đốc Trung tâm Nước sạch nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh D.M.Tiếp;
- CVP, PVPXD;
- Lưu: VT, N3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Mah Tiệp